TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 316/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29- 11- 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu- Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 660/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 417/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tống Ngọc Lệ T, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp M, phường N, thị x, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Anh Phan Cà L, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 12A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2019, và đơn xin vắng mặt ngày 30/8/2019 chị Tống Ngọc Lệ T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị Tống Ngọc Lệ T và anh Phan Cà L sống chung với nhau từ năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (*theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 14/01/2013)*. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống lúc đầu sống rất hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chị và anh L đã ly thân hơn 04 năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chị T và anh L có 02 người con

tên Phan Nhật A, sinh ngày 11/11/2012 và Phan Nhật Q, sinh ngày 01/6/2015. Khi ly hôn chị yêu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không đặt ra yêu cầu việc cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung,nợ chung*: Chị T xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/11/2019, anh Phan Cà L trình bày: Anh thống nhất như trình bày của chị T cụ thể:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Tống Ngọc Lệ T có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh đồng ý ly hôn với chị Tống Ngọc Lệ T.

- *Về con chung*: Có 02 người con tên Phan Nhật A, sinh ngày 11/11/2012 và Phan Nhật Q, sinh ngày 01/6/2015 đúng như chị T trình bày. Anh đồng ý giao các con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ*: Anh thống nhất trình bày của chị T, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 22/11/2019, anh L trình bày do Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam A2 nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời trình bày quan điểm về tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Tòa án có thực hiện ủy thác tư pháp đối với bị đơn. Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/11/2019. Bị đơn đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản thống nhất như nguyên đơn trình bày. nên Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền của tòa án*: Bị đơn anh Phan Cà L có nơi cư trú tại ấp 12A, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Tống Ngọc Lệ T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Phan Cà L, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chị T là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn, anh L là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị T và anh L xin xét xử vắng mặt; Căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tống Ngọc Lệ T và anh Phan Cà L không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, chị T và anh L đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh L đã sống ly thân hơn 04 năm nay.

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh L.

[4] *Về con chung*: Chị T và anh L có 02 người con tên Phan Nhật A, sinh ngày 11/11/2012 và Phan Nhật Q, sinh ngày 01/6/2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi các con, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Xét, con chung tên Phan Nhật A, sinh ngày 11/11/2012 và Phan Nhật Q, sinh ngày 01/6/2015. Hiện đang sống chung với chị. Từ khi, chị T và anh L không còn sống chung với nhau cho đến nay, thì các con sống chung và gần gủi với chị, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao các cháu A và Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Phù hợp với cuộc sống hiện tại của chị T, do hiện nay anh L đang chấp hành án không có điều kiện chăm sóc các con. Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[5] *Về cấp dưỡng*: Chị T và anh L không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về tài sản chung và nợ:* Chị T và anh L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí*: Buộc chị Tống Ngọc Lệ T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tống Ngọc Lệ T về việc ly hôn với anh Phan Cà L.

Về con chung: Tiếp tục giao các cháu Phan Nhật A, sinh ngày 11/11/2012 và Phan Nhật Q, sinh ngày 01/6/2015 cho chị Tống Ngọc Lệ T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản. Không đặt ra cấp dưỡng.

2. Về án phí: Chị Tống Ngọc Lệ T phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 08/10/2019 chị T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002760 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THA DS huyện Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công